

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2020/HNGĐ-PT
Ngày 03 tháng 11 năm 2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Ái

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hà Giang

Ông Nguyễn Việt Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng thị phương Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Tôn thị thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2020/TLPT- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 03/2020/HNGĐ-ST ngày 23/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 22/2020/QĐXXPT- HNGĐ ngày 15 /10/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn K, sinh năm 1962. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 13, xã Tiên K, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1964. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 10, xã Tiên K, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Người kháng cáo: Bị đơn là Chị Nguyễn Thị N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, Anh Phạm Văn K, chị Nguyễn Thị N trình bày:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn K kết hôn với chị Nguyễn Thị N có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ (Nay là UBND xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ ngày 02/11/1983. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Anh K và chị N cũng đều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, anh chị đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay Anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn anh xin được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án chị N và Anh K đã thống nhất thỏa thuận, tòa án đã tiến hành lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22/5/2020 nhưng đến ngày 27/5/2020 chị N làm đơn đề nghị "về việc thay đổi nội dung thỏa thuận". Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng nếu Anh K rời khỏi ngôi nhà để trả lại ngôi nhà và đất cho con trai chị thì chị sẽ nhất trí ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Phạm Văn K và chị Nguyễn Thị N đều xác nhận anh chị có 01 con chung là Phạm Quang T sinh ngày 04/11/1984 nay anh T đã trưởng thành và có gia đình riêng nên đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung; Về công nợ; Về công sức đóng góp: Anh Phạm Văn K và chị Nguyễn Thị N đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không có đóng góp công sức gì nên không đề nghị tòa án giải quyết

[4] Về tài sản chung; Về công nợ; Về công sức đóng góp: Anh Phạm Văn K và chị Nguyễn Thị N đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không có đóng góp công sức gì nên không đề nghị tòa án giải quyết

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số:03/2020/HNGĐ-ST ngày 23/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện L đã căn cứ Căn cứ vào :Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Văn K đối với chị Nguyễn Thị N. Xử cho anh Phạm Văn K được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Anh Phạm Văn K và chị Nguyễn Thị N đều xác nhận có 01 con chung là Phạm Quang T, sinh ngày 04/11/1984 nay anh T đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung; Về công nợ; Về công sức đóng góp: Anh Phạm Văn K và chị Nguyễn Thị N đều xác định không có tài sản chung, không có nợ chung và không có đóng góp công sức gì nên không đề nghị tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn K phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận Anh K đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2019/0001758 ngày 07/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Bản án còn tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 05/8/2020 chị Nguyễn Thị N kháng cáo đề nghị xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị N giữ nguyên nội dung đã kháng cáo, chị Nguyễn Thị N đề nghị xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của chị Nguyễn Thị N trong thời hạn luật định, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo chị Nguyễn Thị N đề nghị xét lại toàn bộ nội dung vụ án

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn K kết hôn với chị Nguyễn Thị N có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ (Nay là UBND xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ ngày 02/11/1983. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Anh K và chị N cũng đều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, anh chị đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay Anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn anh xin được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án chị N và Anh K đã thống nhất thỏa thuận, tòa án đã tiến hành lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22/5/2020 nhưng đến ngày 27/5/2020 chị N làm đơn đề nghị "về việc thay đổi nội dung thỏa thuận". Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng nếu Anh K **rời khỏi ngôi nhà để trả lại ngôi nhà và đất cho con trai chị thì chị sẽ nhất trí ly hôn**. Như vậy có thể thấy đời sống hôn nhân giữa Anh K và chị N thực tế không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. **Lý do chị N không đồng ý ly hôn là không chính đáng**. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử cho Anh K được ly hôn với chị N là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Anh Phạm Văn K và chị Nguyễn Thị N đều xác nhận anh chị có 01 con chung là Phạm Quang T sinh ngày 04/11/1984 nay anh T đã trưởng thành và có gia đình riêng nên đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung; Về công nợ; Về công sức đóng góp: Anh Phạm Văn K và chị Nguyễn Thị N đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không có đóng góp công sức gì nên không đề nghị tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị N đề nghị xét lại toàn bộ nội dung vụ án không xuất trình được chứng cứ nào để

chứng minh cho lời trình bày của mình lý do không đồng ý ly hôn là yêu cầu ông K **rời khỏi ngôi nhà để trả lại ngôi nhà và đất cho con trai chị thì chị sẽ nhất trí ly hôn.??** là không phù hợp. Từ những nhận định trên, kháng cáo của chị Nguyễn Thị N đề nghị xét nội dung vụ án không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[6] Về án phí phúc thẩm: chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị N

Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 03/2020/HNGĐ-ST ngày 23/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện L tỉnh Phú Thọ.

Áp dụng: Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Văn K đối với chị Nguyễn Thị N. Xử cho anh Phạm Văn K được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Anh Phạm Văn K và chị Nguyễn Thị N đều xác nhận có 01 con chung là Phạm Quang T, sinh ngày 04/11/1984 nay anh T đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung; Về công nợ; Về công sức đóng góp: Anh Phạm Văn K và chị Nguyễn Thị N đều xác định không có tài sản chung, không có nợ chung và không có đóng góp công sức gì nên không đề nghị tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn K phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận Anh K đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2019/000175 ngày 07/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

5 -Về án phí phúc thẩm: chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000.đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0001831 ngày 12/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.tỉnh Phú Thọ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND huyện L
- Chi cục THADS L
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ , AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ Tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Ái

